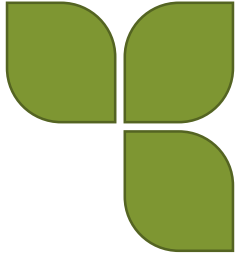


CPTPP VÀ CÁC NGÀNH DỆT MAY GIÀY DÉP, ĐỒ GỖ, ĐỒ UỐNG VIỆT NAM

TS. Nguyễn Thị Thu Trang
Trung tâm WTO và Hội nhập
Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam



Các nội dung chính



Cam kết CPTPP về thuế quan

Cam kết CPTPP về các khía cạnh khác



Tác động dự kiến từ CPTPP

Cam kết CPTPP liên quan tới ngành dệt may – da giày – đồ gỗ - đồ uống



CPTPP trong tiến trình hội nhập qua các FTA của Việt Nam

STT	FTA	Thời gian	Đối tác
FTA đã có hiệu lực			
1	AFTA	Có hiệu lực từ 1993	ASEAN
2	ACFTA	Có hiệu lực từ 2003	ASEAN, Trung Quốc
3	AKFTA	Có hiệu lực từ 2007	ASEAN, Hàn Quốc
4	AJCEP	Có hiệu lực từ 2008	ASEAN, Nhật Bản
5	VJEPA	Có hiệu lực từ 2009	Việt Nam, Nhật Bản
6	AIFTA	Có hiệu lực từ 2010	ASEAN, Ấn Độ
7	AANZFTA	Có hiệu lực từ 2010	ASEAN, Úc, New Zealand
8	VCFTA	Có hiệu lực từ 2014	Việt Nam, Chi Lê
9	VKFTA	Có hiệu lực từ 2015	Việt Nam, Hàn Quốc
10	VN – EAEU FTA	Có hiệu lực từ 2016	Việt Nam, Nga, Belarus, Armenia, Kazakhstan, Kyrgyzstan
11	CPTPP	Có hiệu lực từ 2019	Việt Nam, Canada, Mexico, Peru, Chi-lê, New Zealand, Australia, Nhật Bản, Singapore, Brunei, Malaysia
12	AHKFTA	Có hiệu lực từ 2019	ASEAN, Hồng Kông (Trung Quốc)
FTA đã ký nhưng chưa có hiệu lực			
13	EVFTA	Ký ngày 30/6/2019	Việt Nam, Liên minh châu Âu (28 thành viên)
FTA đang đàm phán			
14	RCEP	Khởi động đàm phán tháng 3/2013	ASEAN, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ, Úc, New Zealand
15	Vietnam – EFTA FTA	Khởi động đàm phán tháng 5/2012	Việt Nam, Khối EFTA (Thụy Sĩ, Na-uy, Iceland, Liechtenstein)
16	Vietnam – Israel FTA	Khởi động đàm phán tháng 12/2015	Việt Nam, Israel

Cấu trúc CPTPP

- 00 Lời mở đầu
- 01 Các điều khoản và định nghĩa chung
- 02 Đối xử quốc gia và mở cửa thị trường**
- 03 Quy tắc xuất xứ**
- 04 Dệt may**
- 05 Hải quan và tạo thuận lợi thương mại**
- 06 Phòng vệ Thương mại**
- 07 Vệ sinh dịch tễ**
- 08 Rào cản kỹ thuật đối với thương mại**
- 09 Đầu tư
- 10 Dịch vụ Xuyên biên giới
- 11 Dịch vụ tài chính
- 12 Nhập cảnh tạm thời
- 13 Viễn thông
- 14 Thương mại điện tử
- 15 Mua sắm chính phủ

- 16 Chính sách cạnh tranh
- 17 Doanh nghiệp nhà nước
- 18 Sở hữu trí tuệ**
- 19 Lao động**
- 20 Môi trường**
- 21 Hợp tác và Nâng cao năng lực
- 22 Cạnh tranh và Thuận lợi hóa kinh doanh
- 23 Phát triển
- 24 DN vừa và nhỏ
- 25 Hòa hòa pháp luật
- 26 Minh bạch hóa và chống tham nhũng
- 27 Hành chính và thể chế
- 28 Giải quyết tranh chấp
- 29 Các ngoại lệ và điều khoản chung
- 30 Các điều khoản cuối cùng
- Và các Phụ lục, Thư song phương



Các cam kết thuế quan





Các nhóm cam kết thuế quan

Nhóm cam kết	Dệt may (Chương 50 đến 63)	Giày dép (Chương 64)	Đồ gỗ (Chương 44, 94.03 đến 94.06)	Đồ uống (Chương 22 trừ 22.09, và 20.09)
Xóa bỏ thuế quan ngay	Phần lớn/tất cả các dòng thuế (trừ Mexico, Peru)	Đa số/phần nửa các dòng thuế (Nhật Bản: Không)	Phần lớn/tất cả các dòng thuế	Phần lớn/tất cả các dòng thuế (trừ Việt Nam, Nhật Bản, Peru, Mexico)
Xóa bỏ thuế quan theo lộ trình	Một số dòng thuế (riêng M, P phần lớn dòng thuế)	Một số/đa số dòng thuế	Một số dòng thuế	Một số rất ít dòng thuế (riêng VN, NB, P phần lớn dòng thuế)
Không cam kết xóa bỏ thuế/Hạn ngạch	05 dòng thuế (Nhật Bản)	Nhật Bản: - Không cam kết 05 dòng thuế - Hạn ngạch với 23 dòng thuế	Không có	Canada: Hạn ngạch với 01 dòng (đồ uống có sữa)

Cam kết thuế quan của Australia

Nhóm cam kết	Đệt may (Chương 50 đến 63)	Giày dép (Chương 64)	Đồ gỗ (Chương 44, 94.03 đến 94.06)	Đồ uống (Chương 22 trừ 22.09 + 20.09)
Xóa bỏ thuế quan ngay	81,8% dòng thuế	43% dòng thuế AANZFTA: Tất cả	96.1% dòng thuế	Toàn bộ Tương tự AANZFTA
Xóa bỏ thuế quan theo lộ trình	Lộ trình 3-4 năm: - 3 năm với 22 dòng (áo jacket và áo khoác thể thao, các loại áo ngủ và bộ pyjama, bộ quần áo thể thao từ bông hoặc sợi tổng hợp ...) - 4 năm với 144 dòng Lộ trình muộn hơn AANZFTA	Lộ trình 4 năm với 20 dòng thuế còn lại (giày có găng mũi kim loại bảo vệ, giày có đế ngoài bằng da thuộc...)	05 dòng (4 dòng ván sợi và 1 dòng nội thất văn phòng) (Duy trì MFN 5% đến 2021 thì xóa) Lộ trình muộn hơn AANZFTA	Không
Không cam kết xóa bỏ thuế	Không	Không	Không	Không





Cam kết thuế quan của New Zealand

Nhóm cam kết	Dệt may (Chương 50 đến 63)	Giày dép (Chương 64)	Đồ gỗ (Chương 44, 94.03 đến 94.06)	Đồ uống (Chương 22 trừ 22.09 + 20.09)
Xóa bỏ thuế quan ngay	81,4% dòng thuế	77% dòng thuế AANZFTA: Tất cả	89,2% dòng thuế	Toàn bộ Tương tự AANZFTA
Xóa bỏ thuế quan theo lộ trình	Lộ trình 5-7 năm: - 5 năm với 58 dòng (len/thảm lông cừu...) - 7 năm với 134 dòng (áo jacket và áo khoác thể thao; áo váy dài; quần dài, quần ống chèn và quần soóc từ bông; áo phông; ... Lộ trình muộn hơn AANZFTA	Lộ trình 5 năm với 16 dòng (đế ngoài và gót giày, bằng cao su hoặc plastic; một số loại giày dép có kích cỡ khác ngoài kích cỡ từ 10 dùng cho trẻ em đến 4 dùng cho người lớn...)	Lộ trình 5-7 năm - 5 năm với 4 dòng (gỗ dán/ veneer/gỗ ghép) - 7 năm với 16 dòng (gỗ ép khuôn, dán chỉ, đồ nội thất..) Lộ trình muộn hơn AANZFTA	Không
Không cam kết xóa bỏ thuế	Không	Không	Không	Không

Cam kết thuế quan của Chi-lê

Nhóm cam kết	Dệt may (Chương 50 đến 63)	Giày dép (Chương 64)	Đồ gỗ (Chương 44, 94.03 đến 94.06)	Đồ uống (Chương 22 – 22.09 + 20.09)
Xóa bỏ thuế quan ngay	87% số dòng	41% số dòng VCFTA: Đã hoàn tất lộ trình	Toàn bộ	Tất cả trừ 01 dòng VCFTA: Toàn bộ
Xóa bỏ thuế quan theo lộ trình	Lộ trình 4-8 năm - 4 năm với 36 dòng (vải dệt thoi, áo khoác, áo choàng, áo gió, áo jacket, áo váy dài...) - 8 năm với 88 dòng Chương 61, 62 VCFTA: khoảng 50% số dòng có lộ trình 5, 10 năm	04 năm với 59% dòng còn lại	VCFTA: Tất cả trừ 13 dòng sẽ xóa vào 2024	Lộ trình 8 năm với bia làm từ lúa mạch (HS 2203.00.00)
Hạn ngạch thuế quan	Không	Không	Không	Không



Cam kết thuế quan của Nhật Bản

Nhóm cam kết	Dệt may (Chương 50-63)	Giày dép (Chương 64)	Đồ gỗ (Chương 44, 94.03 đến 94.06)	Đồ uống (Chương 22 – 22.09 + 20.09)
Xóa bỏ thuế quan ngay	98,5% số dòng VJEPA đã xóa bỏ hết trừ 05 dòng không cam kết	Không	81,7% số dòng	31,6% số dòng
Xóa bỏ thuế quan theo lộ trình	Lộ trình 11 năm với 24 dòng Chương 61, 62, 63	Lộ trình 11-16 năm <ul style="list-style-type: none"> - 11 năm với 47,5% số dòng (giày ống ván trượt, giày dép có đai/chốt cài...) - 16 năm với 30,5% số dòng (giày ống trượt tuyết, dép xăng-đan, giày mũi kim loại, giày dép thể thao...) Lộ trình kết thúc muộn hơn VJEPA	Lộ trình 9-16 năm <ul style="list-style-type: none"> - 9 năm với gỗ CLT mã HS 441890.229 - 11 năm với 33 dòng (gỗ đã cưa/xẻ dọc/lạng/bóc, ván dăm dạng tấm, gỗ dán từ tre...) - 16 năm với 10 dòng gỗ dán và có thể áp biện pháp tự vệ đặc biệt nếu vượt quota năm 	Lộ trình 4-11 năm <ul style="list-style-type: none"> - 4 năm với 2 dòng - 6 năm với 36 dòng (nước trái cây rau củ, đồ uống lên men..) - 8 năm với 14 dòng (nước bưởi/táo, vang nổ, cồn ethylic...) - 11 năm với 39 dòng (nước dứa, rượu vermouth/sake...) Lộ trình muộn hơn VJEPA
Hạn ngạch thuế quan/khác	05 dòng phân nhóm kén tơ tằm, tơ tằm thô	Hạn ngạch đặc biệt (ngược) với 21,9% số dòng VJEPA có một số dòng không cam kết hoặc có cam kết giảm nhưng không xóa bỏ	Không VJEPA có một số dòng không xóa bỏ	Không VJEPA có một số dòng không xóa bỏ

Cam kết thuế quan của Brunei, Malaysia, Singapore

Nhóm cam kết	Dệt may (Chương 50 đến 63)	Giày dép (Chương 64)	Đồ gỗ (Chương 44, 94.03 đến 94.06)	Đồ uống (Chương 22 – 22.09 + 20.09)
Xóa bỏ thuế quan ngay	Singapore: Toàn bộ Malaysia: 99,4% số dòng Brunei: 95,2% số dòng ATIGA: Toàn bộ	Singapore, Malaysia: Toàn bộ Brunei: 50% dòng ATIGA: Toàn bộ	Toàn bộ ATIGA: Tương tự	Singapore, Brunei: Toàn bộ Malaysia: 59,8% (toàn bộ nước trái cây và nước uống tinh khiết/ có ga) ATIGA: Tương tự
Xóa bỏ thuế quan theo lộ trình	Singapore: Không Brunei: 07 năm với 52 dòng (thảm, hàng dệt trái sần...) Malaysia: 6 năm với 6 dòng (chỉ khâu...)	Brunei: Lộ trình 7 năm với 50% dòng (giày lặn, giày ống trượt tuyết, giày ống trượt tuyết việt dã và giày ống gắn ván trượt...)		Singapore, Brunei: Không Malaysia: Lộ trình 16 năm với 37 dòng (toàn bộ các sản phẩm bia rượu, đồ uống có cồn)
Hạn ngạch thuế quan	Không	Không	Không	Không ATIGA: Malaysia không cam kết các dòng đồ uống có cồn (HS 22.03-22.08)



Cam kết thuế quan của Canada



Nhóm cam kết	Dệt may (Chương 50 đến 63)	Giày dép (Chương 64)	Đồ gỗ (Chương 44, 94.03 đến 94.06)	Đồ uống (Chương 22 – 22.09 + 20.09)
Xóa bỏ thuế quan ngay	88,8% số dòng	80% số dòng	Tất cả	Tất cả trừ 02 dòng
Xóa bỏ thuế quan theo lộ trình	Lộ trình 4-6 năm - 4 năm với 107 dòng thuế (hàng may mặc) - 6 năm với 28 dòng (thảm và các loại hàng dệt trải sàn)	Lộ trình 7-12 năm - 7 năm với giày dép thể thao có mũi kim loại - 11 năm với 3 dòng dép đi trong nhà - 2 nhóm lộ trình 12 năm với 10 dòng (giày dép không thấm nước đế-mũi cao su...)		6 năm với sữa sô-cô-la
Hạn ngạch thuế quan	Không	Không	Không	Hạn ngạch thuế quan với đồ uống có sữa HS 2202.90.43 (trong hạn ngạch 0%, ngoài MFN)
Mức thuế MFN	- 0,76% hàng hóa Chương 50-60 - 15,79% hàng hóa Chương 61-63		- 1,47% hàng hóa Chương 44 - 5,7% hàng hóa HS. 9403.30-60	- 3,13% với HS 20.09 - 1,23% với hàng hóa Chương 22



Cam kết thuế quan của Mexico

Nhóm cam kết	Dệt may (Chương 50-63)	Giày dép (Chương 64)	Đồ gỗ (Chương 44, 94.03 đến 94.06)	Đồ uống (Chương 22 – 22.09 + 20.09)
Xóa bỏ thuế quan ngay	27,6% số dòng (nguyên liệu, sản phẩm dệt Chương 50-60)	26.4% số dòng	60.4% số dòng	82,7% số dòng
Xóa bỏ thuế quan theo lộ trình	Lộ trình 6-15 năm <ul style="list-style-type: none"> - 5 năm với 16 dòng (sợi filament, sợi dún polyester...) - 10 năm với 808 dòng (bông, quần áo, may mặc phụ trợ, SP dệt hoàn thiện...) - 16 năm với 82 dòng (vỏ ga, chăn, khăn nhà bếp...) 	Lộ trình 5-13 năm <ul style="list-style-type: none"> - 5 năm với 6 dòng (giày, dép mũ da; giày nam khâu diềm...) - 10 năm với 24 dòng (giày dép mũ kim loại, giày nữ/trẻ em mũ cao su, vớ đế mũ giày len...) - 13 năm với 1 dòng (giày nam, giày dép có đai và chốt cài, mũ giày da...) 	Lộ trình 5, 10 năm <ul style="list-style-type: none"> - 5 năm với 11 dòng (gỗ dán, nắp đậy/nút gỗ...) - 10 năm với 56 dòng (gậy tre, gỗ ván làm sàn, ván dăm...) 	Lộ trình 3-16 năm <ul style="list-style-type: none"> - 3 năm với 5 SP rượu vang - 10 năm với 6 SP rượu vang - 15 năm với 3 SP cồn ethylic
Mức thuế MFN	<ul style="list-style-type: none"> - 8,08% với SP Chương 50-60 - 21,57% với SP Chương 61-63 	18,54% với SP Chương 64	<ul style="list-style-type: none"> - 6,36% với gỗ Chương 44 - 12,5% với đồ gỗ HS. 9403.30-60 	<ul style="list-style-type: none"> - 20% đối với nước trái cây - 16,38% đồ uống Chương 22



Cam kết thuế quan của Peru

Nhóm cam kết	Dệt may (Chương 50-63)	Giày dép (Chương 64)	Đồ gỗ (Chương 44, 94.03 đến 94.06)	Đồ uống (Chương 22 – 22.09 + 20.09)
Xóa bỏ thuế quan ngay	13,3% số dòng	13.3% số dòng (giày ống trượt tuyết, giày có thành phần chính là gỗ...)	75% số dòng	45% số dòng
Xóa bỏ thuế quan theo lộ trình	Lộ trình 6-11 năm - 6 năm với 108 dòng - 11 năm với 173 dòng - 16 năm với 555 dòng	Lộ trình 16 năm với 86.7% số dòng còn lại	Lộ trình 6, 11 năm - 6 năm với 7 dòng (ván lợp, panel lõi xộp, đồ bếp, nội thất...) - 11 năm với 16 dòng (ván dăm, ván sợi, gỗ dán...)	Lộ trình 6-16 năm - 6 năm với 26 dòng - 11 năm với 3 dòng (nước ép từ quả họ cam quýt) - 16 năm với 4 dòng cồn ethylic
Mức thuế MFN	- 5,6% với SP Chương 50-60 - 10,88% với SP Chương 61-63	11% với SP Chương 64	- 2,09% với gỗ Chương 44 - 6% với đồ gỗ HS. 9403.30-60	- 5,5% đối với nước trái cây - 5,54% đồ uống Chương 22



Cam kết thuế quan của Việt Nam

Nhóm cam kết	Đệt may (Chương 50-63)	Giày dép (Chương 64)	Đồ gỗ (Chương 44, 94.03 đến 94.06)	Đồ uống (Chương 22 – 22.09 + 20.09)
Xóa bỏ thuế quan ngay	98,9% số dòng Cao hơn hầu hết FTA	Toàn bộ	Toàn bộ Tương tự các FTA đã có	Không Tương tự các FTA đã có
Xóa bỏ thuế quan theo lộ trình	Lộ trình từ 4-16 năm: - 4 năm với 3 dòng phế liệu bông - 6 năm với 4 dòng (tơ tầm phế phẩm, phế liệu lông cừu ...) - 11 năm với 4 dòng (Vải vụn, mẫu dây xe, chảo bện, thùng) - 16 năm mã HS 6309.00.00 - Quần áo và các sản phẩm dệt may đã qua sử dụng khác	Không (các FTA khác hầu như đã hết lộ trình)	Không	Lộ trình với tất cả các dòng thuế đồ uống - 3 năm với rượu sa-kê - 5-8 năm với 27 dòng (nước, nước trái cây, đồ uống không cồn...) - 11 năm với 23 dòng (bia sản xuất từ mạch, rượu vang nhỏ, rượu whisky...) - 12 năm với 22 dòng (các loại rượu, cồn ethylic..)
MFN	- 8,99% với SP Chương 50-60 - 18,65% với SP Chương 61-63	23,17% với SP Chương 64	- 5,43% với gỗ Chương 44 - 24% với gỗ HS 9403.30-60	- 29,32% với nước trái cây - 43,78% với đồ uống Chương 22



Các cam kết khác

Đối với gỗ

- Cấm nhập khẩu đồ nội thất đã qua sử dụng
- Cấm xuất khẩu gỗ tròn, gỗ xẻ các loại từ gỗ rừng tự nhiên trong nước; các sản phẩm gỗ (trừ các sản phẩm thủ công mỹ nghệ và các sản phẩm được sản xuất từ gỗ rừng trồng, gỗ nhập khẩu, hoặc pallet nhân tạo)
- Duy trì thuế xuất khẩu với một số dòng sản phẩm gỗ thuộc 44 (gỗ trầm hương, gỗ nhiên liệu, gỗ từ cây lá kim...)



Thuế XK – Các biện pháp hạn chế XNK

Đối với dệt may, giày dép

- Cấm nhập khẩu hàng dệt may, giày dép, quần áo đã qua sử dụng
- Biện pháp tự vệ đặc biệt với hàng dệt may
- Giám sát, xác minh xuất xứ hàng dệt may (chung; riêng với Mexico)

SPS - TBT



Nhắc lại các nghĩa vụ của WTO

Quyền chủ động
ban hành SPS, TBT

Minh bạch – tham vấn
khi ban hành và thực thi

Có căn cứ khoa học,
tham khảo các thông lệ quốc tế

Một số cam kết bổ sung

SPS

- Quy trình áp dụng các biện pháp khẩn cấp
- Quy trình phê duyệt danh sách nhà xuất khẩu đủ điều kiện SPS
- Khuyến khích công nhận tương đương về SPS

TBT

- Tổ chức chứng nhận sự phù hợp không bắt buộc phải có trụ sở tại nước NK
- Giấy tờ chứng nhận sự phù hợp không bắt buộc phải hợp pháp hóa lãnh sự



TBT về ghi nhãn rượu



Nội dung cam kết

- Phải cho phép gắn nhãn bổ sung lên thùng chứa rượu chưng cất nhập khẩu sau khi nhập khẩu nhưng trước khi giải phóng hàng/bán trên thị trường
- Phải cho phép hàm lượng cồn theo thể tích ghi trên nhãn được thể hiện bằng alc/vol, ví dụ 12% alc/vol hoặc alc12% vol, và được biểu thị theo thuật ngữ tỷ lệ phần trăm tối đa là một dấu thập phân, ví dụ 12.1%
- Không được yêu cầu phải thể hiện trên thùng chứa, nhãn hiệu hoặc bao bì của rượu vang hoặc rượu chưng cất các thông tin: ngày sản xuất, thời hạn sử dụng tốt nhất, hoặc ngày bán (có ngoại lệ)



Phạm vi:
Nội dung ghi nhãn

Đối tượng:
Rượu vang,
rượu chưng cất



Chính sách về môi trường (chung)

- Hệ thống pháp luật và chính sách môi trường bảo vệ môi trường ở mức cao, tiếp tục tăng mức bảo vệ môi trường;
- Không khuyến khích thương mại hoặc đầu tư bằng cách hạ mức độ bảo vệ môi trường hoặc giảm nhẹ hiệu lực của các quy định về môi trường



Môi trường và bảo vệ tài nguyên rừng

Riêng về gỗ

Cam kết bảo vệ tài nguyên rừng

- thực vật quý hiếm

- Thực thi đầy đủ các nghĩa vụ theo Công ước CITES
- củng cố năng lực và thể chế để tăng cường quản lý bền vững tài nguyên rừng và bảo tồn động, thực vật hoang dã.

Lao động



Nhóm các nguyên tắc Tuyên bố của ILO năm 1998

- Quyền tự do liên kết và thương lượng tập thể của người lao động và người sử dụng lao động
- Xóa bỏ lao động cưỡng bức và lao động bắt buộc
- Cấm sử dụng lao động trẻ em, xóa bỏ các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất
- Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử về việc làm và nghề nghiệp

Nhóm các nguyên tắc về “điều kiện lao động chấp nhận được”

Nhóm này bao gồm các cam kết về việc bảo đảm “các điều kiện lao động chấp nhận được” về lương tối thiểu, giờ làm việc, các vấn đề về an toàn lao động và sức khỏe của người lao động

Nhóm các định hướng pháp luật chính sách về lao động

- Không khuyến khích thương mại hoặc đầu tư bằng cách hạ thấp tiêu chuẩn lao động
- Không từ chối thực thi pháp luật lao động làm ảnh hưởng đến thương mại hoặc đầu tư trong

CPTPP



Chỉ dẫn địa lý

- **Về cơ chế:** có thể lựa chọn bảo hộ chỉ dẫn địa lý theo cơ chế riêng hoặc chung với nhãn hiệu thương mại.
- **Về quyền ưu tiên:** Nếu có nhãn hiệu trùng hoặc tương tự với một chỉ dẫn địa lý mà nhãn hiệu lại được bảo hộ trước quyền của chủ nhãn hiệu sẽ được ưu tiên hơn

Sở hữu trí tuệ

trungtamwto.vn

Nhãn hiệu

- Khuyến khích bảo vệ mùi
- Nghĩa vụ liên quan tới công nhận nhãn hiệu nổi tiếng
- Quyền của chủ sở hữu với các dấu hiệu/nhãn hiệu/chỉ dẫn địa lý có sau gây nhầm lẫn

Hải quan & Tạo thuận lợi thương mại



Nhắc lại các nghĩa vụ trong WTO

Bổ sung thêm một số cam kết mới



Các điểm hỏi đáp để DN trực tiếp liên hệ và hỏi về các quy định và thủ tục hải quan đối với sản phẩm của mình

Nhà xuất khẩu trước khi xuất hàng có thể yêu cầu xác định trước về mã số hàng hóa, thuế quan áp dụng, xuất xứ hàng hóa...



Cho phép giải phóng hàng trên cơ sở một khoản tiền bảo lãnh (để hạn chế các trường hợp chậm trễ giải phóng hàng do cơ quan hải quan chưa đưa ra được quyết định về mức thuế phí phải nộp)

Tác động của CPTPP



CPTPP và những cơ hội

Dự kiến các nhóm hàng có cơ hội lớn nhất



Tăng cao nhất về Sản lượng

- Thực phẩm, đồ uống, thuốc lá;
- May mặc, hàng da;
- Dệt may;
- Một số tiểu lĩnh vực sản xuất công nghiệp và dịch vụ

- Thực phẩm, đồ uống, thuốc lá;
- May mặc, hàng da;
- Hóa chất,
- Sản phẩm da và nhựa;
- Thiết bị, phương tiện vận tải;
- Máy móc, thiết bị khác

Tăng cao nhất về Xuất khẩu

CPTPP và những cơ hội...



Cơ hội xuất khẩu từ cam kết cắt giảm thuế quan của các nước CPTPP

Sản phẩm XK	Thị phần trong KNXK của VN	Thị phần trong KNNK của đối tác
Giày dép	12,5%	2-29%
Dệt may	16,04%	0-6%
Đồ gỗ	20%	0,5-25%
Đồ uống	23,46%	0-5%

Theo Ngân hàng Thế giới

Đến 2030, xuất khẩu VN sang CPTPP tăng từ 54 tỷ lên 80 tỷ USD, chiếm 25% tổng Kim ngạch XK

Theo thống kê thực tế, CPTPP là thị trường tiềm năng

Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Với các ngành công nghiệp nhẹ và thâm dụng lao động, CPTPP có thể tạo mức tăng trưởng bình quân từ 4-5%, mức tăng XK từ 8.7-9.6%

Cơ hội từ môi trường kinh doanh (VN) được cải thiện



Cơ hội cắt giảm chi phí sản xuất, cải thiện năng lực cạnh tranh

- Nhập khẩu nguyên liệu, máy móc thiết bị
- Tiếp cận các dịch vụ phục vụ sản xuất



Cơ hội việc làm và thu nhập cho người lao động, đặc biệt là lao động nữ



Cơ hội tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu, chuỗi cung ứng CPTPP đặc biệt qua thu hút đầu tư vào các lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ, và FDI từ các công ty đa quốc gia



CPTPP và những cơ hội...

CPTPP trước những thách thức...

Thách thức hiện thực hóa cơ hội

- Đáp ứng quy tắc xuất xứ?
- Thay đổi vị trí trong chuỗi sản xuất, cải thiện phần giá trị gia tăng thực thu?
- Vượt qua hàng rào SPS, TBT?

Thách thức cạnh tranh

Một số nước CPTPP là đối thủ rất mạnh

- Canada, Malaysia về gỗ
- Nhật Bản, Chi-lê, Australia về đồ uống

Chi phí tuân thủ tăng

- Môi trường
- Lao động
- Sở hữu trí tuệ





XIN CẢM ƠN!

TRUNG TÂM WTO VÀ HỘI NHẬP
PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

ADDRESS

9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

PHONE NUMBER

024 3577 1458

EMAIL ADDRESS

banthuky@trungtamwto.vn

WEBSITE

trungtamwto.vn / wtocenter.vn

